

Bản án số: 59/2019/ HNGĐ – ST

Ngày 30/10/2019.

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Thanh Hiền.

2. Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc: “ *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14-10-2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức C - sinh năm 1982.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị T - sinh năm 1982.

Cùng trú tại: Thôn V, xã V, TP.Y, tỉnh Yên Bái.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-8-2019; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Đức C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, TP.Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 17-11-2004 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng và quan tâm nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, anh và chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết cho anh ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức C1 sinh ngày 16-7-2005 và cháu Nguyễn Tố U sinh ngày 12-11-2014. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C1. Chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu U, anh và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung : Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/ 9/2019, Bị đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn của giữa chị và anh C đúng như anh C đã trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị tòa án giải quyết cho chị và anh C ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đức C có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức C1 sinh ngày 16-7-2005 và cháu Nguyễn Tô U sinh ngày 12-11-2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu U. Anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu C1. Chị và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đức C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giải quyết về: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” giữa anh và chị Trần Thị T trú tại: Thôn V, xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Các đương sự cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức C và chị Trần Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 17-11-2004 tại UBND xã Xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Anh chị đều thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C, chị T không còn tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, từ đầu năm 2018 đến nay anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Anh C, chị T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh C, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Đức C và chị Trần Thị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức C1 sinh ngày 16-7-2005 và cháu Nguyễn Tô U sinh ngày 12-11-2014. Anh C có nguyện vọng nuôi cháu C1, chị T có nguyện vọng nuôi cháu U. Anh C, chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung của anh C, chị T là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu C1 và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về tài sản và nợ chung: Anh C, chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các vấn đề khác.

- Về án phí: Anh Nguyễn Đức C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức C được ly hôn chị Trần Thị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đức C1 sinh ngày 16-7-2005; Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tố U sinh ngày 12-11-2014, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh C, chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005067 ngày 22-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức C và chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã Văn Phú;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thế Hòa

